

Bản án số: 32/2020/DS-PT
Ngày: 06 - 03 - 2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản
và thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

2/. Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc “*Tranh chấp Đòi lại tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 174/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Tiến V – Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; Địa chỉ: phường L, huyện X, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Lê Hoàng C:* Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1957; Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

2. Ông Lương Ngọc H, sinh năm 1981; Địa chỉ: phường K, huyện N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1977; Địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

* *Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng T:* Ông Phạm Hoài T, sinh năm 1957; Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

3. Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1982; Địa chỉ: xã K, huyện K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hoàng C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Nguyên ngày 25/4/2016, bà H cho ông Lê Hoàng K (chết ngày 28/12/2016) thuê xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng và phà chở chiếc xe máy đào thuộc quyền sở hữu của bà H (theo Đơn xác nhận ngày 09/10/2016, được UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 12/10/2016 – BL 08) để thi công công trình, sau đó ông K tự ý giao xe và phà cho ông Lương Ngọc H (H) không được sự đồng ý của bà H. Bà H nhiều lần đến trình báo công an xã K, huyện N, thành phố Cần Thơ yêu cầu giải quyết buộc ông H có trách nhiệm trả tài sản cho bà nhưng ông H cố tình né tránh không thực hiện. Bà H yêu cầu những người thừa kế của ông Lê Hoàng K (Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T và bà Lê Thị Kiều T) và ông Lương Ngọc H liên đới trả cho bà H xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW04240 đã qua sử dụng và phà chở máy đào, giá trị ước tính khoảng 350.000.000đồng và buộc những người thừa kế của ông Lê Hoàng K trả số tiền thuê xe và phà trong 02 tháng (từ tháng 4/2016 đến tháng 5/2016) với số tiền 69.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Lê Hoàng K là Lê Hoàng C, bà Lê Thị Kiều T và Lê Thị Hồng T trả lại cho nguyên đơn số tiền tương đương giá trị xe và phà mà ông K và ông C đã bán là 180.000.000đồng, không yêu cầu ông Lương Ngọc H liên đới trả; Nguyên đơn không yêu cầu ông C, bà T và bà Th trả tiền thuê xe và phà là 69.000.000đồng.

2. Bị đơn Ông Lê Hoàng C trình bày: Thừa nhận vào ngày 25/4/2016 ông Phạm Văn P và Bà Nguyễn Ngọc H có giao cho ông K máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng và phà chở chiếc xe máy đào, ông C đại diện cho ông K trực tiếp đi nhận và nhận tại nhà ông P, bà H. Ông P và bà H giao xe và phà cho ông K do ông P thiếu tiền công trình của ông K là 225.000.000 đồng (trong đó 115.000.000đồng có làm biên nhận, bà H biết số nợ này vì ông P làm biên nhận nợ có mặt bà H; số tiền 110.000.000đồng ông P thừa nhận nhưng

không có làm biên nhận). Ông P thỏa thuận bằng miệng với ông K là ông K sẽ quản lý, sử dụng xe và phà khi nào ông P có tiền trả cho ông K thì ông K sẽ trả lại xe, phà cho ông P, nhưng sau đó hơn 01 năm ông P không trả tiền, do thiếu nợ nên khoảng tháng 12/2017 ông C đã bán xe máy đào với giá 130.000.000đồng và ông K lúc còn sống đã bán phà với giá 50.000.000đồng.

Ông K chết ngày 28/12/2016, có vợ là bà Nguyễn Thị T chết ngày 29/11/2010. Ông K và bà T1 có 03 người con chung là Ông Lê Hoàng C, Lê Thị Hồng T và Lê Thị Kiều T, không có con nuôi hay con riêng, cha mẹ ông K hiện nay đã chết. Ông K chết để lại tài sản là căn nhà trệt, vách tường gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 2.250m² (ONT 300m² – CLN 1.950m²), thuộc thửa đất số 683, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp 7, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, năm 2018 ông C lập thủ tục thừa kế và chuyển quyền sử dụng đất cho ông C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C cho rằng ông K bán phà với giá 20.000.000đồng. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng xe, phà đã khấu trừ nợ của ông P là 225.000.000đồng. Ông C chỉ đồng ý trả giá trị xe và phà cho bà H khi bà H khấu trừ số tiền sửa xe là 159.000.000đồng.

3. Bị đơn ông Lương Ngọc H trình bày: Vào tháng 06/2016, ông H có nhận sửa xe máy đào loại xe Kobelco SK04, màu xanh, sản xuất năm 1992 do ông Lê Hoàng K và Ông Lê Hoàng C mang đến. Chiếc xe bị hư bộ phận bơm của máy và hư xích. Lúc mang xe đến sửa thì xe được chở bằng phà (chệt), phà để ở chỗ ông H khoảng 01 tháng thì bị chìm, sau đó ông K đem phà đi nơi khác bán phế liệu được khoảng hơn 20.000.000đồng. Ông H đã sửa xe trong khoảng 03 – 04 tháng. Chi phí sửa xe là 98.000.000 đồng và thay 02 dây xích, bánh phon 61.000.000đồng (do ông K tự mua đem đến), tổng cộng chi phí là 159.000.000 đồng. Ông K là người trực tiếp thanh toán tiền sửa xe cho ông H, sau khi sửa xe xong nhưng đến tháng 11/2017 thì ông C mới mang xe về. Khi sửa chữa và giao nhận xe, giữa các bên không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng. Theo ông H thì sau khi sửa xong chiếc xe có giá trị khoảng 180.000.000 đồng. Ông K và ông C là người trực tiếp mang xe đến sửa chữa ở cơ sở của ông, bà H không có giấy tờ chứng minh là chủ xe nên ông không có cơ sở giao lại xe cho bà H. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H không yêu cầu ông liên đới trả lại giá trị xe và phà cho bà H nên ông không có ý kiến.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Hồng T là ông Phạm Hoài T trình bày: Chiếc xe và phà mà phía nguyên đơn trình bày do ông K nhận từ ông P để trừ nợ, không phải thuê của bà H. Do đó, bà Th không đồng ý theo tất cả yêu cầu của bà H. Cha mẹ bà có 03 người con chung như ông C trình bày. Khi cha mẹ bà chết có để lại 01 căn nhà trệt, vách tường trên diện tích đất vườn khoảng 02 công, tọa lạc ấp 7, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng do ông C đang quản lý, sử dụng.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kiều T trình bày: Bà T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Th.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn P trình bày: Ban đầu người giúp việc cho ông K (gồm 04 người, ông không biết họ tên) đến nhận xe trực tiếp từ ông, ông chỉ theo lời bà H giao xe cho ông K thuê. Đến khi làm công trình tại huyện M, tỉnh An Giang thì ông C là người trực tiếp nhận xe.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019, đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc H về việc buộc bị đơn Ông Lê Hoàng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T trả số tiền thuê xe và phà trong 02 tháng (tháng 4/2016 và tháng 5/2016) với số tiền là 69.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc những người thừa kế của ông Lê Hoàng K gồm Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T trả cho Bà Nguyễn Ngọc H số tiền tương đương giá trị chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh mã số YW 04240 đã qua sử dụng và chiếc phà chở chiếc xe máy đào mà ông K và ông C đã bán của bà H với số tiền 180.000.000 đồng.

Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông Lê Hoàng K chết để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 03/12/2019, bị đơn Lê Hoàng C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019, với lý do:

- Ông P giao xe cho ông K để trừ số nợ 225.000.000đồng mà ông P nợ ông K, lúc đó có mặt bà H.

- Khi nhận xe thì xe bị hư hỏng nặng, nên ông K phải sửa với số tiền 159.000.000đồng, mới bán được giá 180.000.000đồng.

Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Ngọc H vắng mặt và không có ý kiến gì khác, nên xem như nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; Bị đơn Lê Hoàng C giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng kháng cáo của bị đơn C là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thì cho rằng do việc lấy xe và phà là để trừ nợ của ông P nên bị đơn C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và cho rằng kháng cáo không có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn Lê Hoàng C là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Ngọc H và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Lương Ngọc Hòa và người có quyền, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kiều T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan, người khác vắng mặt có người đại diện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì các bên thừa nhận, thống nhất xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng và phà chở chiếc xe máy đào thuộc quyền sở hữu của bà H.

[2] Các bên thống nhất và thừa nhận ngày 25/4/2016, bà H có giao cho ông Lê Hoàng K nhận xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh, mã số YW 04240 đã qua sử dụng và phà chở chiếc xe máy đào (sau đây viết tắt là xe và phà), do ông P giao và do bị đơn C đại diện cho ông K trực tiếp nhận và nhận tại nhà bà H. Đến khoảng tháng 12/2017, bị đơn C đã bán xe với giá 130.000.000đồng và ông K lúc còn sống đã bán phà với giá 50.000.000đồng, việc bị đơn C và ông K bán xe và phà không được sự đồng ý của bà H.

[3] Tuy nhiên, theo nguyên đơn việc giao xe và phà cho ông K là cho ông K thuê để thi công công trình, mỗi tháng 38.000.000đồng. Ngược lại bị đơn C thì cho rằng việc bà H giao xe và phà cho ông K là để trừ số tiền nợ mà ông P nợ ông K 225.000.000đồng, không thừa nhận việc thuê xe và phà. Nguyên đơn Hương và ông P đều không thừa nhận là việc bà H giao xe và phà cho ông K để trừ số tiền nợ ông P.

[4] Xét thấy, ngoài lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn C và ông P ra thì các bên đương sự cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu, giấy tờ, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận để chứng minh có việc bà H giao xe và phà cho ông K để cho thuê hay trừ số tiền nợ ông P. Nhưng trên thực tế ngày 25/4/2016, bà H có giao cho ông Lê Hoàng K nhận xe và phà, khi còn sống ông K đã bán phà với giá 50.000.000đồng và sau khi ông K chết đến tháng 12/2017 bị đơn C đã bán xe với giá 130.000.000đồng, việc bán xe và phà đều không được sự đồng ý của nguyên đơn. Ông K chết ngày 28/12/2016, hàng thừa kế thứ nhất của ông K có Ông Lê Hoàng C, Lê Thị Hồng T và Lê Thị Kiều T; di sản để lại là căn nhà trệt, vách tường gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 2.250m² (ONT 300m² – CLN 1.950m²), thuộc thửa đất số 683, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp 7, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, năm 2018 ông C lập thủ tục thừa kế và chuyển quyền sử dụng đất cho ông C, tài sản mà ông K chết để lại có giá trị lớn số tiền bồi thường mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn C là người bán xe và yêu cầu những người thừa kế của ông K thực hiện nghĩa vụ trả lại giá trị tài sản là xe và phà là có cơ sở và đúng quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Giữa nguyên đơn và ông P không phải là vợ chồng, nếu như ông P có thiếu nợ ông K số tiền 225.000.000đồng thì đây là nợ riêng cá nhân ông P, nếu có căn cứ thì đồng thừa kế của ông K có quyền khởi kiện đối với ông P để đòi lại số tiền nợ.

[6] Theo bị đơn khi nhận xe thì xe bị hư hỏng nặng, nên ông K phải sửa với số tiền 159.000.000đồng, mới bán được giá 180.000.000đồng. Tuy được ông Lương Văn Hòa xác nhận số tiền sửa xe và bán xe là đúng, nhưng phía nguyên đơn thì không thừa nhận, xe và phà thì bị đơn C và ông K cũng đã bán nên không định giá được giá trị, trong việc sửa xe, bán xe và phà bị đơn C và ông K cũng không bàn bạc với nguyên đơn và cũng không được sự đồng ý của nguyên đơn nên lỗi thuộc về bị đơn C và ông K.

[7] Mặt khác, theo bị đơn C cho rằng ông K sửa chữa xe đến 159.000.000đồng, nhưng cho là giá bán xe chỉ được 130.000.000đồng là trình bày không trung thực và không phù hợp với thực tế khách quan.

[8] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn Lê Hoàng C là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Người bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[10] Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[11] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Hoàng C.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

2.1. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Ngọc H về việc buộc bị đơn Ông Lê Hoàng C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T trả số tiền thuê xe và phà trong 02 tháng (tháng 4/2016 và tháng 5/2016) với số tiền là 69.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền thuê xe và phà là 69.000.000 đồng nêu trên.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc những người thừa kế của ông Lê Hoàng K gồm Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T trả cho Bà Nguyễn Ngọc H số tiền tương đương giá trị chiếc xe máy đào hiệu Kobelco màu xanh mã số YW 04240 đã qua sử dụng và chiếc phà chở

chiếc xe máy đào mà ông K và ông C đã bán của bà H với số tiền 180.000.000 đồng.

Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T chỉ có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông Lê Hoàng K chết để lại.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T còn phải liên đới trả lãi cho Bà Nguyễn Ngọc H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.3. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Lê Hoàng C, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Kiều T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.000.000 đồng. Bà Nguyễn Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004010 ngày 15/5/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Cần Thơ đã thu và số tiền 1.725.000 đồng từ Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000986 ngày 19/11/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3/- **Án phí dân sự phúc thẩm:** Người kháng cáo Lê Hoàng C phải chịu 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng, theo Biên lai thu số 0001020 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, người kháng cáo Lê Hoàng C nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Hùng Nuôi